TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 231/2017/PT-DS
Ngày: 11-12-2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dương Liêm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn văn Son;

Bà Đặng Thị Đồng;

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu là Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 11 năm 2017, ngày 08/12 và ngày 11 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2017/TLPT-DS, ngày 22-8-2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng thuê khoán thi công"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2017/DS-ST, ngày 16-6-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN; Địa chỉ: Số 90, đường NTH, khu phố 1, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thái S – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm:1988; Địa chỉ: Số 373, đường HVB, Phường 11, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Hoàng V, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Số 184 đường HĐ, khu phố 1, Phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V: Bà Dương Mỹ Hạnh là Luật sư, Văn phòng Luật sư Phúc Hạnh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh.

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 2008 và 2009, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh TN (gọi tắt là Công ty Xây dựng) có ký hợp đồng nhận thầu thi công 02 công trình của Tiểu đoàn Bộ binh 14 do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh làm chủ đầu tư và thi công công trình xây dựng Sân vận động Tây Ninh giai đoạn II – Khán đài B do Sở văn hóa – Thể thao – Du lịch tỉnh Tây Ninh làm chủ đấu tư; Sau đó, Công ty Xây dựng đã ký hợp đồng với ông Trần Hoàng Vũ (B') là Đội thi công của Công ty Xây dựng để thi công các hạng mục công trình nêu trên. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 28/TƯ-TC$_{2008}$ ngày 21-8-2008, giao nhận thực hiện công tác thi công tại Tiểu đoàn Bộ binh 14 hạng mục CLB quân nhân, nhà trực ban, cổng- hàng rào, nhà ban chỉ huy, phòng Hồ Chí Minh, nhà xe- kho tiểu đoàn, 02 nhà trung đội, kho vũ khí đạn (gói số 1, gọi tắt là "CT.TACH05/08"). Các hạng mục trong hợp đồng do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh làm chủ đầu tư;

Theo Hợp đồng 28/TƯ-TC$_{2008}$ thì giữa Công ty Xây dựng và ông Vũ thỏa thuận giá giao nhận thầu là 98% (A+B+C+VC+CLG+TT+CPC)+E (Điều 4 của Hợp đồng giao nhận thực hiện công tác thi công và phương thức thanh toán cho đội thi công được áp dụng theo Quyết định số 04/2008/QĐ-CT ngày 02-01-2008 của Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Tây Ninh).

*Tại Bảng thanh lý hợp đồng B-B'số 72/TLY-HĐKT lập ngày 16-8-2011 giữa Công ty Xây dựng và ông V thì Công ty còn nợ ông Vũ số tiền 164.544.870.000 đồng.

Ngày 20-3-2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh có Quyết định số 563/QĐ-UBND phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (Tiểu đoàn bộ binh 14) giảm còn 6.659.039.000 đồng/ 7.180.656.000 đồng (giá trị báo cáo quyết toán). Theo đó, thì giá trị Hợp đồng số 28/TƯ-TC giữa Công ty Xây dựng và ông V giảm tương ứng còn 5.718.272.000 đồng (Theo Bảng tính điều chỉnh giá trị thanh lý công trình xây lắp có phê duyệt quyết toán năm 2015). Giá trị hợp đồng được tạm tính theo Bảng thanh lý hợp đồng B-B'số 72/TLY-HĐKTlập ngày 16-8-2011 giữa Công ty Xây dựng và ông V (trước khi có phê duyệt quyết toán) là 6.166.197.000 đồng. Công ty Xây dựng đã tạm ứng thanh toán cho ông Vũ vượt giá trị Hợp đồng số 28 là: 283.380.130 đồng (Số tiền Đội đã nhận 6.001.652.130 đồng - 5.718.272.000 đồng= 283.380.130 đồng).

Chi phí kiểm toán công trình ông V phải trả lại cho Công ty Xây dựng là 13.000.000 đồng.

Như vậy, theo hợp đồng này thì ông V phải trả cho Công ty Xây dựng là 296.380.130 đồng.

- **Hợp đồng số 01/TƯ-TC$_{2009}$ ngày 09-01-2009**, giữa Công ty Xây dựng và ông V ký kết hợp đồng về việc giao nhận thực hiện công tác thi công xây dựng Sân vận động Tây Ninh giai đoạn II – Khán đài B do Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch tỉnh Tây Ninh làm chủ đầu tư.

Theo Hợp đồng số 01/TƯ-TC$_{2009}$ ngày 09-01-2009, giữa Công ty Xây dựng và ông Vũ thỏa thuận giá giao nhận thầu là 98% (A+B+C+VC+CLG+TT+CPC)+E (Điều 4 của Hợp đồng giao nhận thực hiện công tác thi công và phương thức thanh toán cho đội thi công được áp dụng theo Quyết định số 04/2008/QĐ-CT ngày 02-01-2008 của Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Tây Ninh).

*Tại Bảng thanh lý hợp đồng B-B'số 87/TLY-HĐKT lập ngày 04-11-2011 giữa Công ty Xây dựng và ông Vũ thì giá trị giao nhận thầu được tính trên hồ sơ quyết toán được chủ đầu tư chấp nhận nhưng chưa được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền (chủ đầu tư với Công ty Xây dựng) là số tiền 16.597.401.000 đồng. Ông V đã tạm ứng 16.597.401.000 đồng; ngày 04-11-2011 hai bên thanh lý hợp đồng xác định Công ty Xây dựng còn nợ ông V số tiền 145.794.678 đồng.

Sau khi có kết quả kiểm toán ngày 07-9-2012 của Kiểm toán Nhà nước, ngày 20-3-2013, Công ty xây dựng lập Bản Điều chỉnh giá trị thanh lý công trình xây lắp được kiểm toán đối với ông Vũ. Đến ngày 26-11-2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh có Quyết định số 2446/2013/QĐ-UB phê duyệt hạng mục công trình trong hợp đồng này chỉ còn 17.744.265.934 đồng/ 18.434.836.000 đồng (giá trị hồ sơ quyết toán được chủ đầu tư chấp nhận). Theo đó, giá trị Hợp đồng số 01/TƯ-TC$_{2009}$ giữa ông Vũ và Công ty Xây dựng điều chỉnh giảm tương ứng còn 15.847.774.078 đồng. Như vậy, Công ty Xây dựng đã tạm ứng thanh toán cho ông V vượt giá trị hợp đồng là 749.626.922 đồng (16.597.401.000 đồng - 15.847.774.078 đồng).

Theo kết quả kiểm toán thì Công ty Xây dựng lập bảng tính bổ sung giá trị thanh lý cho ông V số tiền 123.313.000 đồng (tiền bù giá nhân công chưa được tính theo ghi chú tại Bản thanh lý hợp đồng B-B' ngày 01-11-2009). Số tiền này ông V chưa nhận.

Ngoài ra, trong thời gian bảo hành, điện nước của công trình bị hư hỏng nhưng ông V bị bệnh không sửa chữa được, Công ty Xây dựng phải thuê đội thi công khác sửa chữa với số tiền là 12.450.000 đồng. Theo Hợp đồng số 01/TƯ-

TC_{2009} thì ông V còn phải hoàn trả cho Công ty Xây dựng số tiền là: 638.733.922 đồng (749.626.922 đồng +12.450.000 đồng -123.313.000 đồng).

- Hợp đồng số 70/ TƯ-TC_{2009} ngày 21-12-2009 công trình xây dựng sân đường bê tông, hệ thống thoát nước mặt, cây xanh đường bê tông nhựa tại Tiểu đoàn Bộ binh 14 do Ban chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh làm chủ đầu tư.

Giá giao nhận thầu quy định tại Điều 2 Hợp đồng số 70/ TƯ-TC_{2009}. Căn cứ Điều 1 Quyết định số 76/2009/QĐ-CT ngày 227-8-2009, Công ty Xây dựng và ông V đã thỏa thuận áp dụng mức giao khoán thực hiện công tác thi công của công trình này là G_k = 96% (A+B+C+VC+CLG+TT) +60%CPC)+E

*Tại Bảng thanh lý hợp đồng B-B'số 73/TLY-HĐKT lập ngày 16-8-2011 giữa Công ty Xây dựng và ông V thì Công ty còn nợ ông Vũ số tiền 970.331.000 đồng.

Ngày 26-3-2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh có Quyết định số 563/QĐ-UBND phê duyệt hạng mục công trình trong hợp đồng này chỉ còn 6.615.901.677 đồng/ 6.655.947.000 đồng (giá trị hồ sơ quyết toán được chủ đầu tư chấp nhận). Theo đó, giá trị Hợp đồng số 70/TƯ-TC_{2009} giữa ông V và Công ty Xây dựng điều chỉnh giảm tương ứng còn 5.602.018.000 đồng. Giá trị hợp đồng tạm tính trước điều chỉnh là 5.635.926.000 đồng. Như vậy, Công ty Xây dựng còn phải thanh toán thêm cho ông V số tiền là 110.087.368 đồng (5.602.018.000 đồng – 5.491.930.632 đồng = 110.087.368 đồng), đến nay ông V chưa nhận.

Sau khi thanh lý hợp đồng, ngày 31-12-2011, Công ty Xây dựng và ông V lập Bản đối chiếu tổng hợp công nợ (tính đến ngày 31-12-2011) Công ty Xây dựng còn nợ ông V số tiền 554.413.209 đồng; ngày 30-9-2012 hai bên tiếp tục lập Bản đối chiếu tổng hợp công nợ, thì Công ty Xây dựng còn nợ ông V số tiền 344.822.663 đồng đến nay chưa trả.

Ngày 04-10-2016, Công ty xây dựng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V phải trả cho Công ty Xây dựng số tiền là 825.026.684 đồng và tiền lãi tạm tính 8 tháng x 0,75% = 49.501.601 đồng.

Ngày 12- 6-2017, Công ty Xây dựng rút một phần khởi kiện đối với số tiền chi phí khác của 02 Hợp đồng số 28 là 13.000.000 đồng (chi phí kiểm toán công trình) và Hợp đồng số 01 là 12.450.000 đồng (chi phí bảo hành công trình), tổng cộng là 25.450.000 đồng. Công ty Xây dựng yêu cầu ông V phải trả lại cho Công ty Xây dựng số tiền 799.576.684 đồng và số tiền lãi của số tiền trên từ ngày hoàn tất quyết toán đến ngày xét xử sơ thẩm. Việc Công ty Xây dựng khởi kiện ông V là trên cơ sở thỏa thuận tại Điều 1 và Điều 5 của Quyết định số 14/QĐ-CT, ngày 14-5-2001 và Quyết định số 04/2008/QĐ-CT ngày 02-01-2008 của Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN. Số tiền đối

chiếu công nợ là số tiền tạm tính chờ quyết toán của cơ quan có thẩm quyền, sau khi có phê duyệt quyết toán thì ông V còn nợ lại Công ty Xây dựng chứ Công ty Xây dựng không còn nợ ông V.

Ông Trần Hoàng V không đồng ý trả các khoản tiền trên và không đồng ý nhận số tiền bù giá là 123.313.000 của Hợp đồng số 01 và 110.087.684 đồng của Hợp đồng số 70.

Ngày 29-11-2016, ông Vũ có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu Công ty Xây dựng trả cho ông số tiền 344.822.678 đồng (căn cứ vào bảng đối chiếu công nợ ngày 30-9-2012) và yêu cầu tính lãi suất 0,75% từ ngày 30-9-2012 đến tháng 3-2017 và trả 01 lần.

Tại Bản án sơ thẩm dân sự số: 68/2017/DSST, ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Áp dụng các Điều 501, 505, 506, 305 của Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN đối với ông Trần Hoàng V.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Hoàng V đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN.

3. Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN có nghĩa vụ trả cho ông Trần Hoàng V số tiền 484.476.000 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 344.822.663 đồng, tiền lãi là 139.653.000 đồng.

Kể từ ngày ông Trần Hoàng V có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng thời gian chưa thi hành án.

4. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN đối với ông Trần Hoàng V số tiền 74.450.000 đồng.

5. Án phí: Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN phải chịu 59.362.000 đồng, trong đó có: 35.983.000 đồng là án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận và 23.379.000 đồng là án phí đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Hoàng V được chấp nhận; khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.118.000 đồng theo Biên lai thu số 0003294 ngày 18-10-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển đô thị TN còn phải nộp 40.244.000 đồng.

Ông Trần Hoàng V không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Trần Hoàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.620.000 đồng theo Biên lai thu số 0003482 ngày 29-11-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

Ngày 28 tháng 6 năm 2017, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty xây dựng và phát triển đô thị TN, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Hoàng Vu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của Công ty Xây dựng ông Nguyễn Quốc D yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Xây dựng, Công ty Xây dựng đồng ý khấu trừ cho ông V số tiền 399.576.684 đồng. Yêu cầu ông V hoàn trả cho Công ty Xây dựng số tiền 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không đồng ý trả lãi cho ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa về kháng cáo của nguyên đơn, các tình tiết của vụ án và việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, thấy rằng:

Về tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định địa vị pháp lý của ông Trần Tương Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vì việc giải quyết vụ án không có liên quan đến quyền lợi hoặc nghĩa vụ của ông Q, nên Tòa án cấp phúc thẩm không đưa ông Q vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Hợp đồng thi công xây dựng là một loại hợp đồng xây dựng, hợp đồng xây dựng là một loại hợp đồng dân sự, nên hợp đồng thi công xây dựng cũng là một loại hợp đồng dân sự, do vậy, cũng là sự thỏa thuận giữa các bên về xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên, nhưng là trong hoạt động đầu tư xây dựng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Luật Xây dựng năm 2014 thì: "*Hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự được thoả thuận bằng văn bản giữa bên giao thầu và bên nhận thầu để thực hiện một phần hay toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng*" được ghi nhận tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, tương ứng với Điều 401 Bộ luật Dân sự 2005 quy đồng về hình thức của hợp đồng dân sự.

[3] Từ những phân tích trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp để giải quyết vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng thuê khoán thi công" và căn cứ các điều Điều 501, 505, 506, 305 của Bộ luật Dân sự để giải quyết vụ án là chưa chính xác. Hợp đồng thi công xây dựng về bản chất là hợp đồng dịch vụ được quy định tại Điều 518 Bộ luật Dân sự 2005 như sau: "*Hợp đồng dịch vụ là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên thuê dịch vụ, còn bên thuê dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung*

ứng dịch vụ". Do vậy, cần phải xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp dân sự về hợp đồng thi công xây dựng" và căn cứ quy định của pháp luật dân sự về Hợp đồng dịch vụ mới đảm bảo tính có căn cứ khi giải quyết vụ án.

Về nội dung kháng cáo:

[4] Theo các hợp đồng giao nhận thực hiện công tác thi công giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN (Công ty Xây dựng) với ông Trần Hoàng V, thì ông Trần Hoàng V ký kết hợp đồng với tư cách là Đội thi công (B') của Công ty Xây dựng, chịu trách nhiệm thực hiện các quyết định của Công ty Xây dựng, trong đó, có Quyết định số 04/2008/QĐ-CT ngày 02-01-2008 và Quyết định số 14/QĐ-CT ngày 14-5-2001 của Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN (Điều 2 của Quyết định số 04/2008/QĐ-CT ngày 02-01-2008 quy định " *Các ông trong ban giám đốc, các phòng chức năng, các đội thi công và toàn thể CB-CNV thuộc Công ty căn cứ quyết định thi hành"*). Do đó, các hợp đồng giao nhận thi công giữa Công ty Xây dựng và ông V ngoài việc thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng thì các bên còn phải thực hiện theo quy định tại Quyết định số 04/2008/QĐ-CT và Quyết định số 14/2001/QĐ-CT nêu trên.

[5]Theo đó, thì từ năm 2008 đến 2009, Công ty Xây dựng và ông V (đội thi công) ký kết ba hợp đồng để thi công các công trình sau:

- Hợp đồng số 28/TƯ-TC_{2008} ngày 21-8-2008, thực hiện công tác thi công tại Tiểu đoàn Bộ binh 14 hạng mục CLB quân nhân, nhà trực ban, cổng- hàng rào, nhà ban chỉ huy, phòng Hồ Chí Minh, nhà xe- kho tiểu đoàn, 02 nhà trung đội, kho vũ khí đạn (gói số1, gọi tắt là "CT.TACH05/08") do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh làm chủ đầu tư

- Hợp đồng số 01/TƯ-TC_{2009} ngày 09-01-2009 thi công xây dựng Sân vận động Tây Ninh giai đoạn II – Khán đài B do Sở văn hóa – Thể thao – Du lịch tỉnh Tây Ninh làm chủ đầu tư (gói thầu số 5).

Giá giao nhận thầu thi công của hai gói thầu này là 98% (A+B+C+VC+CLG+TT+CPC)+E (Điều 4 của Hợp đồng giao nhận thực hiện công tác thi công và phương thức thanh toán cho đội thi công được áp dụng theo Quyết định số 04/2008/QĐ-CT ngày 02-01-2008 của Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Tây Ninh).

- Riêng Hợp đồng số 70/ TƯ-TC_{2009} ngày 21-12-2009 công trình xây dựng sân đường bê tông, hệ thống thoát nước mặt, cây xanh đường bê tông nhựa tại Tiểu đoàn Bộ binh 14 do Ban Chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh làm chủ đầu tư (gói thầu số 7) thì giá giao nhận thầu giữa Công ty Xây dựng và ông V thỏa thuận áp dụng mức giao khoán là G_k=96%(A+B+C+VC+CLG+TT) +60%CPC)+E (Điều 2 Hợp đồng số 70/ TƯ-TC_{2009} và Điều 1 Quyết định số 76/2009/QĐ-CT ngày 27-8-2009).

Vốn của 03 công trình nêu trên do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp.

[6] Sau khi công trình đã được chủ đầu tư quyết toán và đưa vào sử dụng, thì Công ty Xây dựng cũng tiến hành thanh lý hợp đồng với ông Vũ.

*****Tại Bảng thanh lý hợp đồng B-B'số 72/TLY-HĐKT lập ngày 16-8-2011*** giữa Công ty Xây dựng và ông V đối với Hợp đồng số 28 (gói số 01), thì

"1. Phần thanh toán cho đội thi công theo quy định (Gtt) cho ông V là 6.166.197.000 đồng;

2. Phần phải thanh toán cho đội theo hệ số thanh toán k (Gtl) là 5.846.038.000 đồng;

3. Số tiền Đội đã nhận 6.001.652.130 đồng .

4. Công ty còn phải thanh toán cho Đội theo hệ số k = (2)-(3)= 155.614.130 đồng ;

5. Thu hồi nợ vay: không có;

6. Tạm giữ chờ A phê duyệt quyết toán kinh phí = (1)-(2) = 320.159.000 đồng;

7. Số tiền thanh toán lần này=(4)-(5)= 155.614.130 đồng

8. Số tiền thanh toán lần sau sẽ được thanh toán cho Đội ngay sau khi A trả hết kinh phí quyết toán cho Công ty=(6)-(7) 164.544.870 đồng".

Theo Bảng thanh lý này thì hai bên xác định Công ty Xây dựng còn nợ ông Vũ số tiền 164.544.870 đồng.

*****Tại Bảng thanh lý hợp đồng B-B'số 87/TLY-HĐKT lập ngày 04-11-2011*** giữa Công ty Xây dựng và ông V đối với Hợp đồng số 01 (gói số 05), thì:

1. Phần thanh toán cho Đội thi công theo quy định (Gtl) cho ông Vũ là 16.597.401.000 đồng;

2. Phần phải thanh toán cho Đội theo hệ số thanh toán k (Gtt) là 16.094.597.000 đồng;

3. Số tiền Đội đã nhận 16.469.521.322 đồng .

4. Công ty còn phải thanh toán cho Đội theo hệ số k = (2)-(3) = 374.924.322 đồng ;

5. Công ty thanh toán cho Đội số tiền tạm giữ hóa đơn (PT43_14/12/09) = 17.915.000 đồng

6.Tạm giữ chờ A phê duyệt kinh phí quyết toán 3% còn lại = 502.804.000đồng;

7. Số tiền thanh toán lần này = (1)+(5)-(3)-(6)= 357.009.322 đồng;

8. Số tiền thanh toán lần sau sẽ được thanh toán cho Đội ngay sau khi A trả hết kinh phí quyết toán cho Công ty = (6)+(7) =145.794.678 đồng.

Theo Bảng thanh lý này thì hai bên xác định Công ty còn nợ ông V số tiền 145.794.678 đồng.

Tại Bảng thanh lý hợp đồng B-B'số 73/TLY-HĐKT lập ngày 16-8-2011 giữa Công ty Xây dựng và ông V đối với Hợp đồng số 70 (gói số 7), thì:

"1. Phần thanh toán cho Đội thi công theo quy định (Gtt) là 5.635.926.000 đồng;

2. Phần phải thanh toán cho Đội theo hệ số thanh toán k (Gtl) là 4.665.595.000 đồng;

3. Số tiền Đội đã nhận 4.097.371.000 đồng .

4. Công ty còn phải thanh toán cho Đội theo hệ số k = (2) - (3) = 568.224.000 đồng ;

5. Thu hồi nợ vay =835.474.000 đồng = (1)-(2) =970.331.000 đồng;

7. Số tiền thanh toán lần này = (4)-(5)= 0 đồng;

8. Số tiền thanh toán lần sau sẽ được thanh toán cho Đội ngay sau khi A trả hết kinh phí quyết toán cho Công ty = (6) = 970.331.000 đồng".

Theo Bảng thanh lý này thì hai bên xác định Công ty còn nợ ông V số tiền 970.331.000 đồng.

Việc Công ty Xây dựng tiến hành thanh lý 03 hợp đồng cho Đội thi công (ông V) là trên cơ sở thỏa thuận của hợp đồng là sau khi công trình được chủ đầu tư chấp nhận quyết toán.

[7] Số tiền giá trị nhận thầu của 03 hợp đồng nêu trên giữa Công ty Xây dựng và chủ đầu tư là giá trị trúng thầu được duyệt và các phụ lục hợp đồng được điều chỉnh giá trị nhận thầu giữa chủ đầu tư và Công ty Xây dựng để thanh lý cho ông V theo hồ sơ tạm quyết toán được chủ đầu tư chấp nhận, không phải là giá trị quyết toán được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt kèm theo thông tin phê duyệt quyết toán công trình theo như thỏa thuận tại quy định tại Điều 5 của Quyết định số 14*"Khi có đủ điều kiện nêu trên Công ty sẽ thanh lý hợp đồng với đội thi công";* Điều 1 của Quyết định số 04 và Quyết định số 14 nêu: "*Căn cứ hồ sơ quyết toán được duyệt cuối cùng của từng hạng mục công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá giao khoán cho các Đội Thi công xây dựng công trình thuộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN được áp dụng cho từng trường hợp sau ……"* .

[8] Mặt khác, theo Hợp đồng số 1228/HĐ-XD ngày 20-8-2008 giữa Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh với Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Tây Ninh đối với gói thầu số 01(gọi tắt là "CT.TACH05/08") tại khoản 4.4 Điều 4 của hợp đồng có thỏa thuận *"…… Số còn lại 5% chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu khi được cơ quan thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt quyết toán."* và Hợp đồng số 58/HĐ-XD ngày 21-12-2009 giữa Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh với Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN đối với gói thầu số 07. Tại Mục 4.4.1 khoản 4.4 Điều 4 của hợp đồng có thỏa thuận

"…… Số còn lại 5% chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu khi được cơ quan thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt quyết toán."

[9]Trên cở sở đó, tại các Bản thanh lý hợp đồng (B-B') giữa Công ty Xây dựng và ông V đều có thỏa thuận: *"Tạm giữ chờ A phê duyệt quyết toán kinh phí", "Số tiền thanh toán lần sau sẽ được thanh toán cho Đội ngay sau khi A trả hết kinh phí quyết toán cho Cty".*

[10] Như vậy, có căn cứ xác định việc quyết toán, thanh lý hợp đồng giữa các bên đối với các gói thầu nêu trên chỉ có giá trị tạm tính để công trình được đưa vào sử dụng, chờ phê duyệt quyết toán cuối cùng của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh và kết luận phê duyệt quyết toán của Ủy ban nhân dân tỉnh là căn cứ để quyết toán, thanh lý hợp đồng thi công giữa ông V và Công ty Xây dựng .

[11] Theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán số 62/BCTT-STC ngày 03-3-2015 của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh đối với Binh đoàn Bộ binh 14 thì gói thầu số 01 bị cắt giảm là 521.615.984 đồng, gói thầu số 07 bị cắt giảm là 40.045.220 đồng, tổng cộng hai công trình này bị cắt giảm là 561.661.204 đồng, cắt giảm là do giảm giá vật liệu;

[12] Theo Biên bản kiểm toán về việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2011 đối với đơn vị Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh lập ngày 07-9-2012 của Kiểm toán Nhà nước kết luận đối với dự án xây dựng Sân Vận động Tây Ninh giai đoạn 2 Khán đài B 7.750 chỗ ngồi thì giá trị quyết toán được bị cắt giảm so với giá trị phê duyệt dự toán là 838.348.721 đồng (giảm thanh toán 706.245.855đồng + 132.102.866 đồng thu hồi và nộp ngân sách nhà nước) là do chênh lệch phần khối lượng thi công, phần Điều chỉnh NC, MTC theo Công văn 530/HD-SXD ngày 07-7-2009 và Công văn số 2801/HD-UBND ngày 03-11-2010: chênh lệch do giảm trừ khối lượng, đơn giá. Số tiền 03 gói thầu bị cắt giảm là 1.367.907.059 đồng là do giảm trừ khối lượng, đơn giá. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 20-3-2015 và Quyết định số 2446/2013/QĐ-UB 26-11-2013 phê duyệt quyết toán đồng ý cắt giảm về khối lượng thi công và đơn giá của 03 gói thầu nêu trên.

[13] Mặc dù, giữa ông V và Công ty xây dựng đã thanh lý hợp đồng, có đối chiếu công nợ sau khi được chủ đấu tư chấp nhận quyết toán với Công ty Xây dựng, nhưng theo thỏa thuận và cam kết trong các hợp đồng thi công giữa Công ty Xây dựng với ông V thì giá trị nhận thầu làm căn cứ để thanh lý, quyết toán hợp đồng thi công xây dựng là dựa trên hồ sơ quyết toán được phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền. do vậy, Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 20-3-2015 và Quyết định số 2446/2013/QĐ-UB 26-11-2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán là căn cứ để tính giá trị giao nhận thầu thi công giữa ông V và Công ty Xây dựng. do các gói thầu bị cắt giảm về khối lượng và

đơn giá nên khoản tiền chênh lệch mà Công ty Xây dựng đã chi trả cho ông Vũ có dôi dư thì phải trả lại cho Công ty xây dựng là phù hợp theo thỏa thuận trong hợp đồng và đúng quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[14] Về yêu cầu phản tố của ông Trần Hoàng V thấy rằng:

Số tiền 344.822.663 đồng là số tiền nợ được tạm tính theo các bảng thanh lý hợp đồng giữa ông V và Công ty Xây dựng. Sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán của Ủy ban nhân dân tỉnh thì ông V còn phải trả lại cho Công ty Xây dựng số tiền chênh lệch khi thanh lý hợp đồng. Vì vậy, số tiền nợ tại các biên bản thanh lý và bảng đối chiếu công nợ giữa ông V không có giá trị thực hiện. Do đó, yêu cầu phản tố của ông V buộc Công ty Xây dựng trả số tiền 344.822.663 đồng và tiền lãi là không có căn cứ chấp nhận. Tuy vậy, tại phiên tòa phúc thẩm ông D người đại diện theo ủy quyền của Công ty Xây dựng đồng ý trừ cho ông V số tiền 399.576.684 đồng (theo yêu cầu phản tố của ông V là 344.822.663 đồng), chỉ yêu cầu ông V trả lại cho Công ty Xây dựng số tiền 400.000.000 không yêu cầu tính lãi là phù hợp, nên ghi nhận. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Công ty Xây dựng buộc ông V trả lại cho Công ty Xây dựng số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ.

[15] Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự" nhưng lại không căn cứ, xem xét các thỏa thuận, cam kết giữa các chủ thể ký kết hợp đồng để xem xét, đánh giá chứng cứ để giải quyết vụ án, chỉ căn cứ vào bản đối chiếu công nợ và các biên bản thanh lý hợp đồng giữa ông Vũ và Công ty Xây Dựng để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Xây dựng là chưa có cơ sở. Từ các phân tích nêu trên, thấy rằng, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Xây dựng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Xây dựng, ghi nhận ý kiến của Công ty xây dựng khấu trừ đối với số tiền yêu cầu phản tố của ông Vũ; sửa bản án sơ thẩm.

[16] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN được chấp nhận nên ông Trần Hoàng V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26 của Nghi quyết 326//2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016. của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17]Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty Xây dựng được chấp nhận, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên các bên đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1, Điều 29 của Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN.

2. Sửa Bản án số 68/2017/DSST, ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN đối với ông Trần Hoàng V.

- Buộc ông Trần Hoàng V có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

- Ghi nhận Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN đồng ý trừ cho ông V số tiền 399.576.684 (Ba trăm chín mươi chín triệu năm trăm bảy sáu ngàn sáu trăm tám mươi tư) đồng theo yêu cầu phản tố của ông Vũ.

- Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của ông Trần Hoàng V đối với số tiền yêu cầu phản tố.

- Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN đối với ông Trần Hoàng V số tiền 74.450.000 (Bảy bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông V phải chịu 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.620.000 (Tám triệu sáu trăm hai mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003482 ngày 91-11-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh; ông Vũ còn phải nộp 11.380.000 (Mười một triệu ba trăm tám mươi ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN phải chịu 17.200.000 (Mười bảy triệu hai trăm ngàn) đồng đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Hoàng V được chấp nhận; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 19.118.000 (Mười chín triệu một trăm mười tám ngàn) đồng

theo Biên lai thu số 0003294 ngày 18-10-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 1.918.000 (Một triệu chín trăm mười tám ngàn) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN không phải chịu án phí phúc thẩm; hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị TN 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0004292 ngày 29-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TANDTC;
-VKSND tỉnh Tây Ninh;
-TAND thành phố Tây Ninh;
-Chi cục THADS thành phố Tây Ninh ;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Dương Liêm